

ẢNH HƯỞNG CỦA LIỀU LƯỢNG ĐẠM BÓN ĐẾN SINH TRƯỞNG, NĂNG SUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG CỦA MỘT SỐ GIỐNG DƯA LƯỚI TẠI SƠN LA

Nguyễn Văn Khoa

Trường Đại học Tây Bắc

Tóm tắt: Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá ảnh hưởng của liều lượng đạm bón đến khả năng sinh trưởng, năng suất và chất lượng của hai giống dưa lưới Chu Phấn và Mật Hoa trong vụ hè thu năm 2020 tại huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Kết quả cho thấy, hai giống dưa lưới đều sinh trưởng tốt, thời gian sinh trưởng từ 85 đến 90 ngày, khối lượng quả trung bình đạt từ 1,4 – 1,7 kg/quả, năng suất của hai giống dưa lưới đạt từ 16,7 đến 19,2 tấn/ha, trong đó giống Mật Hoa đạt năng suất cao hơn có ý nghĩa so với giống Chu Phấn. Bón đạm ở mức 120kgN/ha và 140kgN/ha cho năng suất dưa lưới tương đương nhau, đạt lần lượt từ 20,8 - 21,3 tấn/ha, cao hơn có ý nghĩa so với các mức bón 80 kgN/ha và 100kgN/ha, tuy nhiên độ Brix lại chỉ đạt từ 15,1 – 15,2, thấp hơn có ý nghĩa so với các mức bón 80 kgN/ha và 100kgN/ha (độ Brix lần lượt: 16,1 – 16,4).

Từ khóa: Dưa lưới, liều lượng đạm, sinh trưởng, năng suất, Sơn La

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Dưa lưới hay còn được gọi là dưa lê vân lưới có tên khoa học là *Cucumis melo* L., thuộc họ bầu bí, là dưa ăn quả tươi được nhiều người tiêu dùng ưa chuộng. Quả dưa lưới cung cấp nhiều β -caroten, vitamin C, vitamin E, axit folic. Đây là những chất chống oxy hóa quan trọng trong quá trình biến dưỡng dinh dưỡng của con người (USDA, 2011) (Nguyễn Anh Dũng và cs., 2016) [1]. Ngoài ra, nguồn kali trong dưa lưới còn giúp bài tiết, thải natri có tác dụng giảm huyết áp cao (Lester, G. & F. Eischen, 1996) [6]. Chất lượng dinh dưỡng của dưa lưới phụ thuộc nhiều vào giống, phân bón và các kỹ thuật trồng khác nhau. Cây dưa lưới được trồng rộng rãi trên thế giới và ở Việt Nam, tuy nhiên chủ yếu được trồng trên giá thể trong nhà lưới, có sử dụng dung dịch dinh dưỡng để tưới. Việc trồng dưa lưới ngoài đồng ruộng gặp nhiều khó khăn do điều kiện khí hậu và sâu bệnh phá hại. Tại Việt Nam, những năm gần đây, dưa lưới được trồng ở nhiều vùng khác nhau trong cả nước, hầu hết cũng được trồng trên giá thể tưới dinh dưỡng nên giá thành sản phẩm cao, ảnh hưởng đến lợi nhuận của việc trồng dưa lưới.

Trồng dưa lưới không sử dụng giá thể và dinh dưỡng tưới là một giải pháp giúp giảm chi phí sản xuất, từ đó giảm giá thành sản

phẩm. Tuy nhiên, cần nghiên cứu, đánh giá biện pháp luân canh, chế độ bón phân, chăm sóc và phòng trừ sâu, bệnh hại thì việc trồng dưa lưới trên giá thể đất mới mang lại hiệu quả kinh tế. Trong nghiên cứu dinh dưỡng cây trồng thì yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến năng suất và chất lượng sản phẩm là chế độ dinh dưỡng đạm. Đạm không những ảnh hưởng đến năng suất mà còn ảnh hưởng đến cả chất lượng và mức độ nhiễm sâu bệnh hại của hầu hết các loại cây trồng trong đó có cây dưa lưới. Hiện nay, chưa có công bố khoa học nào về ảnh hưởng của liều lượng đạm bón đến sinh trưởng, năng suất và chất lượng quả dưa lưới tại Việt Nam. Nghiên cứu này nhằm mục đích đánh giá ảnh hưởng của liều lượng đạm bón đến sinh trưởng phát triển, năng suất và chất lượng quả dưa lưới giống Chu Phấn và Mật Hoa, từ đó đưa ra mức khuyến cáo về liều lượng bón cho hai giống này khi trồng trên đất tại Sơn La.

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

- Hai giống dưa lưới lai F1 được nhập nội từ Đài Loan gồm: Chu Phấn, Mật Hoa.

- Phân đạm Ure Hà Bắc (Hàm lượng N là 46%)

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp bố trí thí nghiệm

Thí nghiệm được thực hiện trong vụ xuân năm 2020, trong điều kiện nhà lưới tại xã Chiềng Ban, huyện Mai Sơn, Sơn La.

Thí nghiệm bố trí theo kiểu ô lớn, ô nhỏ (Split-plot), trong đó ô lớn là Giống dưa lưới (Chu Phấn, Mật Hoa), ô nhỏ là các mức bón đạm (80, 100, 120, 140 kg/ha). Các ô lớn bố trí ngẫu nhiên cho một lần nhắc lại, ô nhỏ bố trí tuần tự trong ô lớn. Thí nghiệm được nhắc lại 3 lần, mỗi lần nhắc lại là 120 cây cho một ô lớn, diện tích ô thí nghiệm lớn là 60 m², tổng diện tích thí nghiệm là 360 m². Dưa được trồng theo luống đơn, sử dụng dây treo để treo cho cây mọc theo phương thẳng đứng (*không bò lan trên đất*). Mật độ trồng 14.000 cây/ha (cây cách cây: 40 cm, hàng cách hàng 175 cm).

Phân bón nền: 10 tấn phân chuồng hoai mục + 100kg P₂O₅ + 120 kg K₂O/ha, tưới nước bằng ống nhỏ giọt, phủ màng nilong nông nghiệp chuyên dụng. Phòng trừ sâu bệnh: Phun thuốc bệnh khi xuất hiện các bệnh nấm gây hại.

Các chỉ tiêu theo dõi:

Lấy mẫu đại diện 5 cây trên một lần nhắc lại cho một công thức, theo dõi các chỉ tiêu: Thời gian qua các giai đoạn sinh trưởng (ngày); đường kính quả (cm); chiều dài quả (cm); độ dày thịt quả (cm); độ Brix, khối lượng trung bình quả (kg); năng suất lý thuyết (tấn/ha); năng suất thực thu (tấn/ha); mức độ nhiễm các loại bệnh hại (tính theo % số cây nhiễm bệnh).

Phương pháp xử lý số liệu: số liệu được xử lý bằng phần mềm Excel và phân tích Anova bằng phần mềm IRRISTAT 5.0

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Ảnh hưởng của liều lượng đạm bón đến thời gian qua các giai đoạn sinh trưởng, phát triển của các giống dưa

Sinh trưởng và phát triển ở cây trồng trái

Bảng 3.1. Thời gian qua các giai đoạn sinh trưởng của các giống dưa lưới vụ xuân năm 2020 tại Sơn La

Giống	Liều lượng Đạm (kg/ha)	Gieo-mọc	Từ mọc mầm đến... (ngày)			Tổng TGST (ngày)
			3-4 lá thật	Ra hoa cái đầu	Đậu quả	

qua hàng loạt các biến đổi về sinh lý, hóa sinh như: Quang hợp, hô hấp, vận chuyển và phân phối chất hữu cơ trong cây. Các quá trình này chịu ảnh hưởng rất nhiều bởi điều kiện sinh thái môi trường xung quanh và đặc biệt là hàm lượng dinh dưỡng trong đất (Hoàng Minh Tấn, 2006) [8]. Hàm lượng đạm bón có thể ảnh hưởng đến thời gian sinh trưởng phát triển của cây dưa lưới, đây là một yếu tố quan trọng để xây dựng cơ cấu mùa vụ cho cây dưa lưới trong năm tại Sơn La.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, thời gian sinh trưởng của hai giống dưa lưới từ 85 đến 90 ngày (bảng 3.1), dài hơn so với một số giống dưa khác cũng nhập nội từ Đài Loan và Trung Quốc như: Xin Mi Tian Gua; Yinong; Kim cô nương, có thời gian sinh trưởng từ 64 – 67 ngày (Vũ Văn Liết và Hoàng Đăng Dũng, 2012) [7]. Có thể thấy cùng là nhóm dưa lê, nhưng các giống dưa lê có vân lưới (dưa lưới) thường có thời gian sinh trưởng dài hơn so với các giống không có vân lưới. Thời gian sinh trưởng của các giống thí nghiệm tương đương so với một số giống dưa lưới khác nhập nội từ Israel như: Melon snow mass; Melon Juarny; Melon Gold coats (có thời gian sinh trưởng từ 80 – 90 ngày) (Đoàn Xuân Cảnh, 2016) [3]. Giai đoạn từ gieo hạt đến ra hoa của các giống không có sự chênh lệch về thời gian. Sự khác biệt về thời gian sinh trưởng chủ yếu nằm ở giai đoạn từ ra hoa đến khi quả chín.

Xét riêng về ảnh hưởng của liều lượng đạm đến thời gian sinh trưởng của các giống dưa lưới cho thấy, liều lượng đạm bón khác nhau không làm ảnh hưởng đáng kể đến thời gian sinh trưởng của các giống dưa lưới thí nghiệm. Điều này cho thấy với dưa lưới, đặc điểm giống và điều kiện thời vụ trồng quyết định lớn nhất đến thời gian sinh trưởng của cây dưa (bảng 3.1).

Chu phần	80	4	17	34	39	87
	100	4	18	35	40	90
	120	4	18	35	40	88
	140	4	17	34	39	89
	TB	4	17,5	34,5	39,5	88,5
Mật hoa	80	4	17	34	39	85
	100	4	17	35	39	86
	120	4	18	35	39	87
	140	4	17	35	39	86
	TB	4	17,2	34,8	39,0	86,0

3.2. Ảnh hưởng của liều lượng đạm đến hình dạng, kích thước và chất lượng quả dưa lưới

Đặc điểm hình thái quả có ảnh hưởng đến mẫu mã thương phẩm của quả, phần lớn thị hiếu của người tiêu dùng thích quả có khối lượng trung bình, trái hình cầu và mẫu mã đẹp. Hai giống trong thí nghiệm đều là các mẫu giống dưa lưới có hình thái quả đẹp, có vỏ xanh và có vân lưới rất rõ nét, quả hình cầu khá tròn. Một trong những đặc điểm được người tiêu dùng ưa thích lựa chọn đó chính là các giống phải có đường gân vân lưới trên vỏ quả thật rõ và đều, các giống dưa lưới có nguồn gốc từ Nhật Bản thường có đặc điểm vân lưới kiểu này. Kết quả thí nghiệm cũng cho thấy, hai giống trong thí nghiệm đều đạt yêu cầu về đặc điểm vân lưới nổi và đẹp. Đánh giá về kích thước quả cho thấy, giống Chu Phần có dạng hình quả tròn hơn với kích thước quả tương ứng trung bình D x R là 16,5 x 14,9cm, giống Mật hoa có dạng hình bầu dục với kích thước quả tương ứng D x R trung bình là 17,2 x 14,5 cm. Độ dày thịt quả của hai giống lần lượt là 3,8 cm và 3,3 cm. Khi so sánh về kích thước quả và độ dày thịt quả cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa giữa hai giống Chu phần và Mật hoa. Tuy nhiên khi đánh giá về hàm lượng đường tổng số (độ Brix trung bình) cho thấy, giống Mật hoa có độ Brix trung bình đạt 16,4 cao hơn có ý nghĩa so với giống Chu phần (đạt 14,9) (bảng 3.2). Điều này cho thấy chất lượng về hàm lượng đường tổng số của giống Mật hoa cao hơn giống Chu phần.

Đánh giá ảnh hưởng của mức đạm bón riêng rẽ đến các chỉ tiêu kích thước và chất lượng quả chung của cả hai giống dưa lưới cho thấy, ở mức bón đạm từ 120 – 140 kgN/ha cho chiều dài quả và đường kính quả

lớn hơn có ý nghĩa so với mức bón từ 80 – 100kg/ha. Tuy nhiên về độ dày thịt quả thì có sự khác biệt không rõ ràng, mặc dù vậy thì ở mức bón đạm nhiều hơn, độ dày thịt quả lại nhỏ hơn, điều này có thể thấy bón nhiều đạm có xu hướng làm quả rỗng hơn, tuy nhiên sự khác biệt chưa thể hiện ở mức tin cậy 95%.

Độ Brix là % lượng đường tổng số hòa tan trong dịch quả, đây là một chỉ tiêu quan trọng để đánh giá về chất lượng quả. Độ Brix trong thịt quả dưa lưới vẫn tiếp tục thay đổi sau khi thu hoạch và đạt cao nhất vào ngày thứ 4 đến ngày thứ 5 sau thu hoạch (Nguyễn Văn Khoa và cs. (2020)) [5]. Điều này cho thấy quả sẽ đạt độ ngọt và chất lượng ăn tươi thích hợp nhất vào ngày thứ 4 đến 5 sau khi thu hoạch. Trong thí nghiệm này, chúng tôi tiến hành đo độ Brix trung bình thịt quả dưa lưới ở ngày thứ 4 sau khi thu hoạch, kết quả thí nghiệm cho thấy, khi liều lượng đạm bón tăng làm giảm độ Brix thịt quả có ý nghĩa ở mức tin cậy 95%, có sự tương quan nghịch chặt chẽ ($r = -0,84$) giữa việc tăng lượng đạm bón với độ Brix thịt quả, điều này có thể là do có sự tích lũy nhiều nước hơn ở trong các quả khi bón đạm mức cao hơn, làm cho hàm lượng đường tổng số thấp hơn (hình 1). Các giống nhập nội từ Isarel như: Melon snow mass; Melon Juarny; Melon Gold coats, có độ Brix từ 8,9 - 12,8 (Đoàn Xuân Cảnh và nnk., 2016) [3], trong khi các giống dưa thí nghiệm có độ Brix cao hơn nhiều (đạt từ 14,2-17). Điều này cho thấy các giống dưa nguồn gốc từ Châu Á có độ Brix cao hơn, phù hợp với thị hiếu sử dụng dưa lưới của người Châu Á. So với một số giống dưa lê khác nhập nội từ Trung Quốc như: Xin Mi Tian Gua; Yinong;

Kim cô nương được trồng tại Hà Nội có độ Brix trung bình từ 14,3 – 15 (Vũ Văn Liết và Hoàng Đăng Dũng, 2012) [7], thì các giống dưa trong thí nghiệm có độ Brix tương đương

hoặc cao hơn không đáng kể. Điều này cho thấy các giống dưa trong thí nghiệm trồng trên đất ở điều kiện khí hậu vùng Tây Bắc đã cho quả đạt chất lượng tốt.

Bảng 3.2. Ảnh hưởng của liều lượng đạm đến kích thước, chất lượng quả của các giống dưa lưới vụ xuân năm 2020

Giống	Lượng Đạm (kg/ha)	Đặc điểm vân lưới quả	Chiều dài quả (cm)	Đường kính quả (cm)	Độ dày thịt quả (cm)	Độ Brix TB thịt quả (%)
Chu phần	80	Vân rõ	15,8 ^b	14,5 ^{ab}	3,5 ^{ab}	15,5 ^b
	100	Vân rõ	16,1 ^b	14,7 ^{ab}	3,5 ^{ab}	15,7 ^b
	120	Vân rõ	16,9 ^b	14,9 ^{ab}	3,9 ^{ab}	14,3 ^c
	140	Vân rõ	17,2 ^{ab}	15,3 ^a	4,2 ^a	14,2 ^c
	TB	Vân rõ	16,5	14,9	3,8	14,9
Mật hoa	80	Vân rõ	16,3 ^b	14,1 ^b	3,0 ^b	16,7 ^{ab}
	100	Vân rõ	16,7 ^b	14,2 ^b	3,1 ^b	17,0 ^a
	120	Vân rõ	17,5 ^{ab}	14,7 ^{ab}	3,5 ^{ab}	16,1 ^{ab}
	140	Vân rõ	18,2 ^a	14,9 ^{ab}	3,7 ^{ab}	15,9 ^{ab}
	TB	Vân rõ	17,2	14,5	3,3	16,4
<i>CV%</i>			7,5	6,6	5,4	5,2
<i>LSD.05.G</i>			1,1	0,8	0,7	1,3
<i>LSD.05N</i>			1,2	0,8	0,8	1,0
<i>LSD.05G* N</i>			1,3	0,9	0,8	1,2

3.3. Ảnh hưởng của liều lượng đạm bón đến năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất của các giống dưa lưới

Năng suất là yếu tố rất quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất. Với các giống dưa lưới, trong quá trình sinh trưởng thường ra rất nhiều quả, tuy nhiên, trong kỹ thuật trồng dưa lưới, để đảm bảo chất lượng quả, người sản xuất thường chỉ để lại 1 quả. Vì vậy khối lượng trung bình quả là yếu tố chính ảnh hưởng đến năng suất. Kết quả nghiên cứu cho thấy giống Chu Phần có khối lượng quả dao động từ 1,2 – 1,7kg/quả, trung bình đạt 1,4kg/quả, năng suất lý thuyết đạt trung bình 20,3 tấn/ha và năng suất thực thu đạt 16,7 tấn/ha. Khối lượng quả trung bình của giống Mật hoa đạt 1,7kg/quả, cao hơn so với giống Chu Phần nhưng không có ý nghĩa về mặt thống kê, tuy nhiên năng suất lý thuyết đạt 22,8 tấn/ha và năng suất thực thu đạt 19,2

tấn/ha đều cao hơn giống Chu Phần ở mức ý nghĩa 95%. Điều này cho thấy, giống Mật hoa dù có khối lượng quả lớn hơn không nhiều nhưng vẫn ảnh hưởng đến năng suất tổng thể của cả thí nghiệm. So sánh với các giống dưa lê nhập nội khác từ Trung Quốc và Israel có khối lượng quả từ 1,3 – 1,9kg (Vũ Văn Liết và Hoàng Đăng Dũng, 2012) [7], thì khối lượng trung bình của các giống dưa nhập từ Đài Loan trong thí nghiệm có khối lượng quả tương đương, nhưng năng suất thấp hơn do trong thí nghiệm chỉ để 1 quả/cây. So với các giống dưa lê khác nhập nội từ Đài Loan trong nghiên cứu của Trần Thị Ba và cs., (2009) [2], Võ Thị Bích Thủy và cs. (2005) [9], khối lượng quả của các giống trong thí nghiệm này đều cao hơn. Tuy nhiên khi so sánh với giống dưa HT Hokkaido 06 nhập từ Nhật Bản trong nghiên cứu của Đàm Hương Giang và cs. (2018) [4] thì khối lượng quả và năng suất

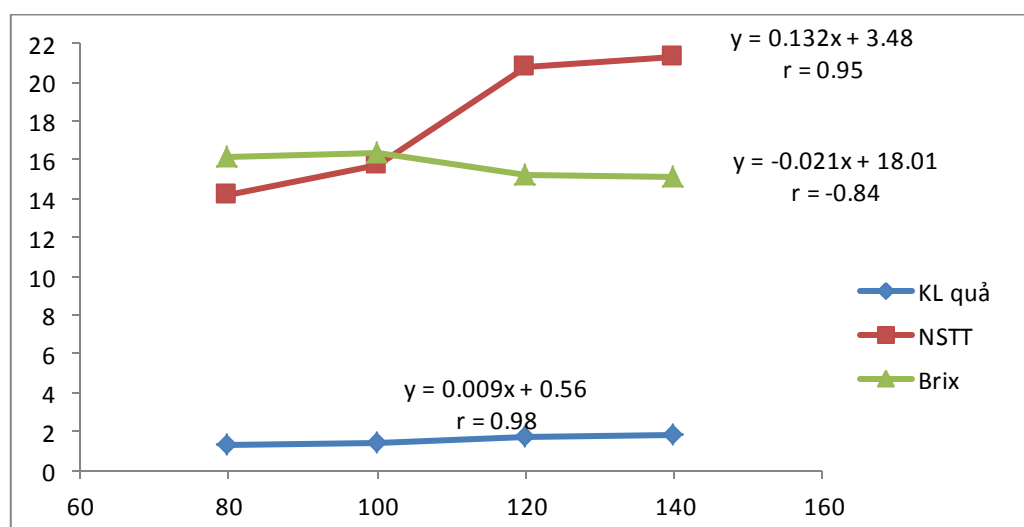
đều thấp hơn đáng kể.

Khi đánh giá ảnh hưởng của liều lượng đạm bón đến năng suất của các giống dưa cho thấy, khi tăng liều lượng đạm từ 80 kg/ha lên 120kg/ha, cả khối lượng trung bình quả, năng suất lý thuyết và năng suất thực thu đều tăng. Có sự tương quan thuận chặt chẽ giữa việc tăng hàm lượng đạm bón với khối lượng trung bình quả và năng suất thực thu (hình 1). Tuy nhiên khi tăng liều lượng đạm lên đến

140kg/ha thì không có sự khác biệt rõ rệt về mặt năng suất lý thuyết, năng suất thực thu và chất lượng quả so với lượng bón 120kg/ha. Điều này cho thấy mức bón 120kg/ha đã là mức bón cho năng suất phù hợp nhất, nếu tăng lượng bón lên sự sai khác là không rõ ràng. Vì vậy việc áp dụng mức bón 120kg/ha cho dưa lưới tại Sơn La là phù hợp trong điều kiện vụ xuân.

Bảng 3.3. Ảnh hưởng của liều lượng đạm bón đến năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất của các giống dưa lưới vụ xuân năm 2020

Giống	Lượng Đạm (kg/ha)	KLTB quả (kg)	NSLT (tấn/ha)	NSTT (tấn/ha)
Chu phần	80	1,2 ^b	15,4	13,3 ^d
	100	1,3 ^b	18,2	14,5 ^d
	120	1,6 ^{ab}	22,4	18,9 ^b
	140	1,7 ^{ab}	23,8	20,1 ^b
	TB	1,4	20,3	16,7
Mật hoa	80	1,4 ^b	19,6	15,1 ^{cd}
	100	1,5 ^{ab}	21,0	16,8 ^c
	120	1,8 ^a	25,2	22,6 ^a
	140	1,8 ^a	25,2	22,5 ^a
	TB	1,7	22,8	19,2
<i>CV%</i>		7,5		5,4
<i>LSD.05G</i>		0,3		1,6
<i>LSD.05N</i>		0,3		1,4
<i>LSD.05G*N</i>		0,4		1,8



Hình 1: Tương quan giữa liều lượng đạm bón khối lượng quả, năng suất thực thu và độ Brix thịt quả lưới vụ xuân năm 2020

3.4. Ảnh hưởng của liều lượng đạm bón đến mức độ nhiễm sâu bệnh hại của các giống dưa lưới

Mức độ nhiễm sâu, bệnh hại là một chỉ tiêu quan trọng để đánh giá mức độ thích nghi của cây trồng trong các vùng sinh thái khác nhau. Đối với cây dưa lưới trồng dưới đất, trong nhà lưới, dịch hại chủ yếu là các loại bệnh nấm, vi khuẩn và tuyến trùng. Kết quả nghiên cứu ở vụ xuân năm 2020 tại Sơn La cho thấy, cả 2 giống dưa trong thí nghiệm đều nhiễm các loại bệnh như sương mai, thán thư, phấn trắng, nứt thân, trong đó hai giống bị nhiễm nhẹ bệnh sương mai (*Pseudoperonospora cubensis* Rostovtzev) và phấn trắng (*Erysiphe cichoracearum*), với tỷ lệ cây nhiễm trung bình hai loại bệnh trên lần lượt là 10,4% và 3,9% với giống Chu Phần, và 14,5% và 4,9% với giống Mật Hoa. Đối với bệnh thán thư do nấm *Colletotrichum*

lagenarium gây ra, và bệnh nứt thân chảy nhựa do nấm *Mycosphaerella melonis*, thì cả hai giống dưa đều nhiễm bệnh ở mức trung bình, với tỷ lệ cây nhiễm bệnh lần lượt là 23,5% và 59,5% với giống Chu Phần và 23,9 và 59,3% với giống Mật Hoa (bảng 3.4). Kết quả trên cũng cho thấy các giống dưa lưới khá miễn cảm với các bệnh nấm, hầu hết các bệnh nấm phổ biến, cây dưa lưới đều bị nhiễm với mức độ khác nhau, trong đó bệnh nứt thân chảy nhựa là bệnh nhiễm nặng nhất. Đánh giá về ảnh hưởng của lượng đạm bón khác nhau lên mức độ nhiễm bệnh hại cho thấy, không có sự khác biệt lớn giữa các mức bón đạm. Điều này có thể do các mức bón đạm trên chưa phải là mức quá lớn, do đó không gây ra sự phát triển quá mức về thân lá và không ảnh hưởng rõ rệt đến mức độ nhiễm bệnh hại của các giống.

Bảng 3.4. Ảnh hưởng của liều lượng đạm bón đến mức độ nhiễm sâu bệnh hại của các giống dưa vụ xuân năm 2020

Giống	Lượng Đạm (kg/ha)	Tỷ lệ cây bị bệnh sương mai (%)	Tỷ lệ cây bị thán thư (%)	Tỷ lệ cây bị phấn trắng (%)	Tỷ lệ cây bị nứt thân (%)
Chu phần	80	10,2	22,5	5,2	55,7
	100	8,5	25,4	2,8	57,9
	120	12,5	23,3	3,2	61,3
	140	10,5	22,7	4,2	63,2
	TB	10,4	23,5	3,9	59,5
Mật hoa	80	12,2	25,3	5,1	61,5
	100	20,5	22,3	4,3	59,7
	120	14,2	24,5	4,6	57,3
	140	11,1	23,3	5,5	58,5
	TB	14,5	23,9	4,9	59,3

Qua kết quả nghiên cứu có thể thấy trong vụ xuân năm 2020, các giống dưa lưới mặc dù được trồng trong nhà lưới, không bị sâu hại tấn công nhưng đều nhiễm bệnh hại ở mức độ khác nhau, mặc dù vậy, so với việc trồng vụ

hè theo nghiên cứu của tác giả Nguyễn Văn Khoa và cs. (2020) [5] cũng thực hiện tại Sơn La, thì mức độ nhiễm bệnh hại trong vụ xuân của nghiên cứu này là thấp hơn. Nguyên nhân có thể do vụ hè với điều kiện nắng ẩm, mưa

nhiều nên mức độ gây hại của bệnh nấm nặng hơn so với các mùa vụ khác. Đây cũng là một điều cần lưu ý trong việc xác định mùa vụ trồng đối với cây dưa tại Sơn La.

Nếu hạch toán được Hiệu quả kinh tế thì bổ sung bảng dữ liệu này sẽ cho thấy rõ được việc tăng lượng đạm bón không những làm giảm chất lượng quả mà không làm tăng hiệu quả kinh tế.

4. KẾT LUẬN

Các giống dưa lưới tham gia thí nghiệm đều sinh trưởng tốt trong vụ xuân năm 2020 tại Sơn La. Thời gian sinh trưởng của các giống từ 85 đến 90 ngày, khối lượng quả trung bình đạt từ 1,4 – 1,7 kg/quả, năng suất trung bình của các giống dưa lưới đạt từ 16,7 đến 19,2 tấn/ha, và có sự chênh lệch có ý nghĩa về năng suất giữa các giống, trong đó giống Mật Hoa đạt năng suất cao hơn so với giống Chu Phấn.

Các giống dưa lưới tham gia thí nghiệm đều nhiễm một số bệnh nấm như bệnh sương mai, phấn trắng, thán thư, nứt thân chảy nhựa. Trong đó bệnh nứt thân gây hại nặng nhất, với mức bị nhiễm lên đến 55,7 – 63,2% số cây theo dõi, mức độ nhiễm bệnh cao do đó có thể ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng dưa.

Bón đạm ở mức 120kgN/ha và 140kgN/ha cho năng suất dưa lưới tương đương nhau, đạt lần lượt từ 20,8 - 21,3 tấn/ha, cao hơn có ý nghĩa so với các mức bón 80 kgN/ha và 100kgN/ha, tuy nhiên độ Brix lại chỉ đạt từ 15,1 – 15,2, thấp hơn có ý nghĩa so với các mức bón 80 kgN/ha và 100kgN/ha.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Anh Dũng, Lê Sĩ Ngọc, Bùi Văn Lê (2016). *Ảnh hưởng của Peroxitde hydrogen lên năng suất và chất lượng dưa lưới sau thu hoạch*. Tạp chí khoa học Trường Đại học An Giang, số 11 (3) - 2016: 94-101.
2. Trần Thị Ba, Trần Thiện Thiên Trang, Võ Thị Bích Thủy (2009). *So sánh sự sinh trưởng, năng suất và phẩm chất của 11 giống dưa lê trong nhà lưới vụ xuân hè 2007*. Tạp chí Khoa học, trường Đại học Cần Thơ, số 11 – 2009: 330-338.
3. Đoàn Xuân Cảnh, Nguyễn Đình Thiệu, Nguyễn Thị Thanh Hà (2016). *Kết quả nghiên cứu tuyển chọn giống cà chua, dưa chuột, dưa thơm thích hợp trồng trong nhà lưới, nhà màn ở các tỉnh phía Bắc*. Kỷ yếu Hội thảo quốc gia về khoa học cây trồng lần thứ 2, năm 2016: 538-545.
4. Đàm Hương Giang, Trần Công Hạnh, Nguyễn Duy Thịnh (2018), *Nghiên cứu ảnh hưởng của các loại gốc ghép đến sinh trưởng, năng suất và chất lượng giống dưa vằn lưới HT Hokkaido 06 trồng trong nhà có mái che*. Tạp chí Khoa học, trường Đại học Hồng Đức, số 40 – 2018: 30-37.
5. Nguyễn Văn Khoa, Lò Văn Chương (2020), *Đánh giá sinh trưởng, phát triển và năng suất của một số giống dưa lê trồng trong nhà lưới tại Sơn La*. Tạp chí Khoa học, trường Đại học Tây Bắc, số 18 – 2020: 1-7.
6. Lester, G. & F. Eischen (1996). *Beta-carotene content of postharvest prange-fleshed muskmelon fruit. Effect of cutiver, growing location and fruit size*. Plant Foods Human Nutri, 49: 191-197
7. Vũ Văn Liết, Hoàng Đăng Dũng (2012). *Đánh giá sinh trưởng, phát triển và năng suất của một số giống dưa lê nhập nội từ Trung Quốc tại Gia Lâm, Hà Nội*. Tạp chí Khoa học và phát triển, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, tập 10, số 2 - 2012: 238-243.
8. Hoàng Minh Tấn, Nguyễn Quang Thạch, Vũ Quang Sáng (2006). *Giáo trình sinh lý thực vật*. NXB Nông nghiệp Hà Nội.
9. Võ Thị Bích Thủy, Nguyễn Bảo Vệ, Trần Thị Ba (2005). *Cải thiện năng suất và phẩm chất dưa lê (muskmelon) bằng cách bón phân kali trên đất phù sa tại Cần Thơ vụ xuân hè 2004*. Tạp chí Nghiên cứu khoa học, trường Đại học Cần Thơ, số 4 – 2005: 16-25.

EFFECTS OF NITROGEN ON GROWTH, YIELD AND QUALITY OF SOME MELON VARIETIES (*CUCUMIS MELO L.*) GROWN IN SON LA PROVINCE OF VIETNAM

Nguyen Van Khoa

Tay Bac University

Abstracts: *The study was conducted to evaluate the effect of nitrogen fertilizer levels on the growth, yield and quality of two melon varieties (Chu Phan and Mat Hoa) in the summer-autumn crop of 2020 in Mai Son district, Son La province. The results showed that the two melon varieties grew well, with growing time from 85 to 90 days, average weight from 1.4 to 1.7 kg/fruit, and yield from 16.7 to 19.2 tons/ha. Mat hoa variety. Nitrogen fertilization at 120kgN/ha and 140kgN/ha gave melon yields similar, reaching from 20.8 to 21.3 tons/ha, significantly higher than the levels of 80 kgN/ha and 100kgN/ha, however the Brix level was only from 15.1 to 15.2, significantly lower than the levels of 80 kgN/ha and 100kgN/ha (Brix degrees respectively: 16.1 -16.4).*

Keywords: *Melon, growth, yield, Brix, Son La*

Ngày nhận bài: 31/12/2021. Ngày nhận đăng: 08/4/2022.

Liên lạc: Nguyễn Văn Khoa, e - mail: nguyenvankhoa@utb.edu.vn